

Số: 29 /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 12 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND-KTNS ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 -2020 cụ thể như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 điều chỉnh là 11.544 tỷ 647 triệu đồng.

Bao gồm:

1. Vốn ngân sách trung ương: 3.139 tỷ 587 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn trong nước: 2.972 tỷ 991 triệu đồng;

- Vốn nước ngoài (ODA): 166 tỷ 596 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: 8.405 tỷ 060 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 2.652 tỷ đồng;

- Thu từ tiền sử dụng đất: 2.700 tỷ đồng;

- Thu từ xổ số kiến thiết: 2.237 tỷ đồng;

- Vay kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn: 559 tỷ 500 triệu đồng;

- Nguồn vượt thu năm 2015: 83 tỷ 560 triệu đồng;

- Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương

và các tổ chức khác: 173 tỷ đồng.

II. Phương án phân bổ

Tổng vốn đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh là 10.851 tỷ 788 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách trung ương: 2.825 tỷ 628 triệu đồng

Trong đó:

a) Vốn trong nước: 2.675 tỷ 692 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 434 tỷ 811 triệu đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 347 tỷ 940 triệu đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 86 tỷ 871 triệu đồng;

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo QĐ 22/QĐ-TTg: 10 tỷ 611 triệu đồng;

- Vốn các chương trình mục tiêu: 1.546 tỷ 270 triệu đồng;

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 684 tỷ đồng.

b) Vốn nước ngoài: 149 tỷ 936 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: 8.026 tỷ 160 triệu đồng.

Trong đó:

a) Trả nợ: 959 tỷ 900 triệu đồng.

- Trả nợ xây dựng cơ bản: 53 tỷ 200 triệu đồng;

- Trả nợ vay tín dụng ưu đãi: 906 tỷ 700 triệu đồng;

+ Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011 - 2015: 406 tỷ 950 triệu đồng;

+ Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2016 - 2020: 279 tỷ 750 triệu đồng;

+ Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương: 220 tỷ đồng.

- | | |
|---------------------------------|--------------------------|
| b) Vốn phân cấp cho huyện, thị: | 2.266 tỷ đồng. |
| - Vốn cân đối theo tiêu chí: | 1.196 tỷ; |
| - Tiền sử dụng đất: | 1.070 tỷ đồng. |
| c) Dự án chuyển tiếp: | 666 tỷ 010 triệu đồng. |
| d) Dự án khởi công mới: | 4.134 tỷ 250 triệu đồng. |

(Kèm theo bảng tổng hợp, biểu số 1, 2, 3 và phụ lục 3.1)

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền



BẢNG TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kam theo nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 2 tháng 1 năm 2017 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)			Kế hoạch điều chỉnh			Chênh lệch (6-3)		Tổng chênh lệch (9-10)
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm	
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số	11.379.905	10.330.870	1.049.035	11.544.647	10.851.788	692.859	273.719	108.977	164.742
I	Vốn ngân sách địa phương	8.478.560	7.719.660	758.900	8.405.060	8.026.160	378.900	-	73.500	- 73.500
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.652.000	2.386.800	265.200	2.652.000	2.519.800	132.200	-		-
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	2.700.000	2.430.000	270.000	2.700.000	2.565.000	135.000	-		-
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.237.000	2.013.300	223.700	2.237.000	2.125.300	111.700	-		-
4	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	600.000	600.000		559.500	559.500			40.500	- 40.500
5	Vượt thu 2015 chuyển sang	83.560	83.560		83.560	83.560				-
6	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	206.000	206.000		173.000	173.000			33.000	- 33.000
II	Vốn ngân sách trung ương	2.901.345	2.611.210	290.135	3.139.587	2.825.628	313.959	273.719	35.477	238.242
1	Vốn trong nước	2.746.800	2.472.120	274.680	2.972.991	2.675.692	297.299	261.668	35.477	226.191
a	Chương trình mục tiêu quốc gia	435.000	391.500	43.500	483.123	434.811	48.312	83.600	35.477	48.123
	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	303.000	272.700	30.300	386.600	347.940	38.660	83.600		83.600
	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	132.000	118.800	13.200	96.523	86.871	9.652		35.477	- 35.477
b	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ	11.500	10.350	1.150	11.790	10.641	1.149	290		290
c	Các chương trình mục tiêu	1.540.300	1.386.270	154.030	1.718.078	1.546.270	171.808	177.778		177.778
d	Vốn trái phiếu Chính phủ	760.000	684.000	76.000	760.000	684.000	76.000	-	-	-
2	Vốn nước ngoài	154.545	139.090	15.455	166.596	149.936	16.660	12.051		12.051



Biểu số 1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020

Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh	TMĐT		Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ				2.824.800	58.000	2.972.991	115.264	
	Phân bổ chi tiết(90%)		4.135.246	3.607.884	2.472.120	58.000	2.675.692	115.264	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia		-	-	391.500	-	434.811	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới				272.700		347.940		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				118.800		86.871		
B	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ				10.350		10.611		
C	Các chương trình mục tiêu		3.335.246	2.847.884	1.386.270	58.000	1.546.270	115.264	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng		1.450.518	1.201.462	666.626	-	844.626	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		723.597	505.462	206.626	-	206.626	-	
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ trung tâm xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình huyện Bù Đốp	1840/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	363.657	253.000	109.600		109.600		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông
2	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đặng Hà	482/QĐ-UBND ngày 5/3/2010; 1420/QĐ-UBND ngày 27/6/2014	210.000	137.462	5.726		5.726		Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
3	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	50.000	40.400		40.400		UBND huyện Hớn Quản
4	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	40.000	30.500		30.500		UBND huyện Bù Đốp
5	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riềng đi Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	25.000	20.400		20.400		UBND huyện Bù Gia Mập
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		726.921	696.000	460.000	-	638.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án xây dựng đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trồng cỏ Bù Lạch xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	90.000		90.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	66.000	66.000	60.000		60.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 16/5/2017	77.000	77.000	70.000		70.000		UBND huyện Phú Riềng
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	77.000	77.000	70.000		70.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.921	90.000	80.000		80.000		UBND TX Đồng Xoài
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	85/HĐND-KT ngày 13/4/2017	80.000	80.000			72.000		UBND huyện Lộc Ninh
7	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	117.000	106.000			106.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	1209/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	45.000	45.000	40.000		40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
9	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh	2405/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 991/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000		50.000		UBND huyện Lộc Ninh
II	Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững		22.000	22.000	20.000		20.000		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		22.000	22.000	20.000		20.000		
I	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	1438/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	22.000	22.000	20.000		20.000		Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
III	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		266.972	248.600	130.196		211.932		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		43.972	35.600	10.196		10.196		

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành Trung tâm giống nông lâm nghiệp tỉnh Bình Phước	2358/QĐ-UB ngày 12/10/2010	43.972	35.600	10.196		10.196		Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		223.000	213.000	120.000	-	201.736	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 24/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	100.000	100.000		100.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Dự án xây dựng hệ thống kênh tưới cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh	76a/HĐND-KT ngày 31/3/2017	113.000	113.000			101.736		BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
3	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013				20.000				
IV	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	575.216	99.000	-	99.000	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		676.725	575.216	99.000	-	99.000	-	
1	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	99.000		99.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
V	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		255.033	161.000	247.690	-	122.690	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		145.033	51.000	21.000	-	21.000	-	
1	Đường và kênh thoát nước tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2017	2158a/QĐ-UBND ngày 24/10/2012, 2678/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	145.033	51.000	21.000		21.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		110.000	110.000	226.690	-	101.690	-	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1264/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	101.690		101.690		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Xây dựng các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đông Xoài I				125.000				
VI	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		45.000	44.100	40.000	-	40.000	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		45.000	44.100	40.000	-	40.000	-	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	63/HĐND-KT ngày 23/3/2017	45.000	44.100	40.000		40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
VII	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		85.528	82.000	61.000	-	61.000	-	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020		30.528	27.000	11.000	-	11.000	-	
1	Đường giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư- Chiu Riu và Lộc Thiện- Tà Nốt) huyện Lộc Ninh, (đoạn 2: Tuyến Lộc Thiện- Tà Nốt)	2338/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	30.528	27.000	11.000		11.000		Bộ CHBĐBP
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020		55.000	55.000	50.000	-	50.000	-	
1	Xây dựng đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắc O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000		50.000		Bộ CHBĐBP
VIII	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương		15.693	9.500	3.500	-	3.500	-	
	Dự án chuyển tiếp		15.693	9.500	3.500	-	3.500	-	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014; 2317/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	15.693	9.500	3.500		3.500		UBND huyện-Bù-Gia Mập
IX	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch		68.853	55.082	26.558	-	26.558	-	
	Dự án chuyển tiếp		68.853	55.082	26.558	-	26.558	-	
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, hồ chứa và hệ thống cấp nước thuộc Khu du lịch và bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng -Sóc Bom Bo	2003/QĐ-UBND ngày 5/9/2011	68.853	55.082	26.558		26.558		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
X	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA				1.700		1.700		
XI	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin				32.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đầu tư trang thiết bị và xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu kết nối liên thông từ Trung ương đến địa phương				32.000				
XII	Hoàn trả tạm ứng		448.924	448.924	58.000	58.000	115.264	115.264	
1	Đường liên xã Ngã 3 Cây Diệp đến sông Mã Đà (ĐT 753) phục vụ cứu hộ cứu nạn các xã phía đông huyện Đồng Phú (đoạn từ ngã 3 Cây diệp đến cầu Cừ)	1512/QĐ-UBND ngày 16/8/2013	97.900	97.900			3.036	3.036	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông
2	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	2055/QĐ-UBND - 09/10/2012	53.766	53.766			7.000	7.000	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
3	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	14/QĐ-UBND ngày 5/01/2010	13.228	13.228			4.000	4.000	UBND huyện Bù Đăng
4	Dự án di dời và ổn định dân cư tự do trong lâm phần Ban QLR phòng hộ Đak Mai	266/QĐ-UBND ngày 02/02/2010	23.103	23.103			5.000	5.000	UBND huyện Bù Đăng
5	Tiểu dự án TĐC khu Đa Bông Cua, thuộc DA đầu tư bố trí hợp lý dân cư ở VQG Cát Tiên	2554/QĐ-UBND ngày 11/9/2010; 977/QĐ-UBND ngày 10/6/2013	57.817	57.817			6.000	6.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
6	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)		70.000	70.000			4.506	4.506	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7	Dự án đầu tư sản xuất giống cây cao cao và cao su giai đoạn 2007-2010	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	9.130	9.130			2.722	2.722	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
8	Dự án di dời và ổn định dân cư tự do trong lâm phần Ban QLR phòng hộ Đak Mai	266/QĐ-UBND ngày 02/02/2010	23.103	23.103			5.000	5.000	UBND huyện Bù gia Mập
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2694/QĐ-UBND ngày 26/	10.000	10.000			10.000	10.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
10	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Bù Nho - Long Tân	2737/QĐ-UBND ngày 28/	14.500	14.500			10.000	10.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Giai	2277/QĐ-UBND ngày 27/11/2013	26.877	26.877			10.000	10.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)		Kế hoạch điều chỉnh		Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.	12.000	12.000			12.000	12.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
13	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương	2944/QĐ-UBND ngày 16/11/2016.	11.500	11.500			10.000	10.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
14	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	8.000	8.000			8.000	8.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
15	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn	2695/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	10.000	10.000			10.000	10.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000			8.000	8.000	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
D	Vốn trái phiếu Chính phủ		800.000	760.000	684.000	-	684.000	-	
I	Y tế		700.000	660.000	594.000	-	594.000	-	
I	Dự án nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 lên 600 giường bệnh	77/HĐND-KT ngày 5/4/2017	700.000	660.000	594.000		594.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
II	Kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học		100.000	100.000	90.000	-	90.000	-	
I	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mãn non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 204/QĐ-TTg ngày 1/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ	74/HĐND-KT ngày 30/3/2017	100.000	100.000	90.000		90.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp



Biểu số 2

HỒ CHƠI ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kế hoạch điều chỉnh nguồn vốn nước ngoài theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 2 tháng 2 năm 2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	TMĐT					Kế hoạch đã thông qua HĐND tỉnh (theo NQ 13 và NQ 35)			Kế hoạch điều chỉnh			Chủ đầu tư									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											
				Tổng số	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)		Vốn đối ứng NSDP	Trong đó: Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)		Vốn đối ứng NSDP	Trong đó: Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)										
					NSTW	NSDP																	
TỔNG SỐ													197.385	42.840	154.545	205.152	42.840	166.596					
Phân bổ chi tiết (90%)													670.937	107.311	50.962	107.405	563.626	177.646	38.556	139.090	188.492	38.556	149.936
I	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC		665.549	101.923	50.962	50.962	563.626	177.646	38.556	139.090	132.049	38.556	93.493										
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017		665.549	101.923	50.962	50.962	563.626	177.646	38.556	139.090	132.049	38.556	93.493										
1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm	2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	323.934	53.934	26.967	26.967	270.000	65.307	19.710	45.597	19.710	19.710	Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước										
2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m3/ ngày đêm	440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011	341.615	47.989	23.995	23.995	293.626	112.339	18.846	93.493	112.339	18.846	93.493	Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước									
II	LĨNH VỰC Y TẾ		5.388	5.388	-	56.443	-	-	-	-	56.443	-	56.443										
Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020																							
1	Dự án xử lý chất thải bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long	1912/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.230	1.230			12.790				12.790		12.790	Sở Y tế									
2	Dự án xử lý nước thải bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	1913/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.859	1.859			18.765				18.765		18.765	Sở Y tế									
3	Dự án xử lý chất thải bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long	1914/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.183	1.183			12.285				12.285		12.285	Sở Y tế									
4	Dự án xử lý chất thải bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	1915/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	1.116	1.116			12.603				12.603		12.603	Sở Y tế									

Ghi chú: Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20000 m3/ ngày đêm thực hiện theo cơ chế hiệp định vay